

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Trần Thị Thanh Thuý
Ngày soạn: 19/10/2025
Lớp dạy: 11/1, 11/5, 11/9, 11/10, 11/12
Thời gian thực hiện: Tuần học 8

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 – ICT
Môn: Tin học – Lớp: 11
Thời gian thực hiện: 1 tiết – Tiết 16

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ôn tập những kiến thức đã học trong các bài: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

§1. Hệ điều hành.

Nhận biết

- Biết các phiên bản và đánh dấu các mốc phát triển của hệ điều hành Windows (tên phiên bản, năm phát triển, đặc điểm nổi bật).
- Đặc điểm hệ điều hành Linux, các biến thể của các biến thể.
- Tên hệ điều hành trên máy tính, trên thiết bị di động.

§2. Thực hành sử dụng hệ điều hành.

Vận dụng:

- Hợp mảnh được thực hiện trên đĩa từ.

Thông hiểu

- Hiểu về phần mềm tiện ích: khái niệm, cài đặt.
- Hiểu các thao tác, giao diện giao tiếp với hệ điều hành, quản lý tệp.

Vận dụng

- Quan hệ giữa hệ điều hành, phần cứng và phần mềm ứng dụng.
- Các thao tác để thực hiện hợp mảnh và kiểm tra lỗi.

§3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet.

Nhận biết

- Biết đặc điểm của phần mềm nguồn mở.
- Ưu điểm của phần thương mại (phần mềm đặt hàng và phần mềm đóng gói), phần mềm nguồn mở.

Thông hiểu

- Hiểu được các đặc điểm của các phần mềm

Vận dụng

- Sử dụng được phần mềm trực tuyến trên Internet ví dụ Google docs, Google sheets
- Thực hiện được công việc tải dữ liệu từ phần mềm trực tuyến về và mở xem.

§4. Bên trong máy tính.

Vận dụng

- Thực hiện được các phép toán logic với x, y cho trước.
- Đổi được số ở hệ thập phân sang nhị phân
- Thực hiện được phép cộng 2 số nhị phân.

§5. Kết nối máy tính với các thiết bị số

Nhận biết

- Biết các thông số và đơn vị của các thông số về màn hình, máy in.
- Biết các loại máy in và tác dụng của từng loại.

Thông hiểu

- Hiểu về tần số quét, thời gian phản hồi.
- Một máy tính có thể kết nối với nhiều máy in.

Vận dụng

- Tác dụng của tầng số quét.
- Độ phân giải máy tính.

§6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet.

Vận dụng

- Thực hiện được các bước để lưu trữ tệp tin/thư mục lên ổ đĩa trực tuyến.

§7. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet.

Nhận biết

- Nắm được kiến thức chung về tìm kiếm thông tin trên internet.
- Các địa chỉ máy tìm kiếm phổ biến.

Thông hiểu

- Thông tin tìm kiếm có được phân loại theo các loại: Chế độ AI, tất cả, hình ảnh, video, mua sắm, tin tức,...

§8. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet.

Nhận biết:

- Biết đánh dấu và phân loại thư điện tử.
- Lợi ích của việc đánh dấu và phân loại thư điện tử.
- Cách thực hiện tạo nhãn và gán nhãn cho thư.

Thông hiểu

- Hiểu quy định khi đăng kí Gmail cho trẻ vị thành niên của Google.
- Hiểu loại thư điện tử cần hay không cần đọc.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

2.2. Năng lực chuyên môn:

- Năng lực Tin học;
- Năng lực tính toán.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm, sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá và tham khảo.
- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong quá trình học tập và làm việc nhóm; lên án sự gian lận của các nhóm (nếu có).
- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, hoàn thành báo cáo để đưa ra kết quả.
- Chăm chỉ: Chăm học hỏi, có tinh thần tự học; nhiệt tình, năng nổ trong hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi (máy chiếu), bảng phụ (nếu có)

2. Học liệu:

- Học sinh: SGK Tin học 11, SBT Tin học 11.
- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ (phiếu học tập), phiếu đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và một số tài liệu có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (3 phút)

- Mục tiêu:* Giúp HS biết được tổng quát nội dung và hình thức đề thi HKI.
- Nội dung:* GV đưa ra ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì I.
- Sản phẩm:* HS nắm cấu trúc đề thi, các bài học cần ôn tập thi
- Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì I như sau:

MA TRẬN ĐỀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - TIN HỌC 11 ICT – 2025 - 2026

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ Đúng - Sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC	Bài 1: Hệ điều hành	4 (1,2,3,4)									4			10 (1.0đ)
		Bài 2: Thực hành sử dụng hệ điều hành		1 (5)		2 (2ac)	1 (2b)	1 (2d)				2	2	1	12.5 (1.25đ)
		Bài 3: Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet				4 (3ac 4ab)	2 (3b 4c)	2 (3d 4d)				4	2	2	20 (2.0đ)
		Bài 4: Bên trong máy tính								4 (ES1)	4 (ES2)	0	4	1	20 (2.0đ)
		Bài 5: Kết nối máy tính với các thiết bị số				2 (1ab)	1 (1c)	1 (1d)				2	1	1	10 (1.0đ)
2	CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN	Bài 6: Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet									4 (ES3)	0	0	1	10 (1.0đ)
		Bài 7: Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet	2 (6,9)	2 (7,8)								2	2	0	10 (1.0đ)
		Bài 8: Thực hành nâng cao sử dụng thư điện tử và mạng xã hội	2 (10,11)	1 (12)								2	1	0	7.5 (0.75đ)
Tổng số lệnh hỏi			8	4		8	4	4		4	2	16	12	6	34
Tổng số điểm			2.0	1.0		2.0	1.0	1.0		1.0	2.0	4.0	3.0	3.0	10
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100

Yêu cầu học sinh nhìn bảng đặc tả ma trận đề, giáo viên giải thích chi tiết về cấu trúc đề thi: Cấu trúc đề thi gồm 2 phần:

Phần 1: Trắc nghiệm (7 điểm): gồm 12 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (D1) và 4 câu trắc nghiệm Đúng/ Sai (D2)

Phần 2: Tự luận (3 điểm): Gồm 3 câu hỏi tự luận.

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát lắng nghe giáo viên hướng dẫn ôn tập.

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS thảo luận, cần nắm và những nội dung cần ôn tập và cấu trúc đề để kiểm tra

♦ **Kết luận, nhận định:**

GV nhấn mạnh lại cấu trúc đề thi và dẫn dắt học sinh ôn tập

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. TRẮC NGHIỆM D1. (10 phút)

a. *Mục tiêu:* Ôn lại về kiến thức bài 1,2,7,8 với dạng câu hỏi D1.

b. *Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 1).

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm (các nhóm đề cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).

- GV phát Phiếu học tập số 1 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 1 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1. Hệ điều hành nào được phát triển từ mã nguồn mở và ra mắt lần đầu năm 1991?

A. Windows **B. Linux** C. macOS D. Android

Câu 2. Hệ điều hành Windows được phát triển bởi công ty nào?

A. Apple **B. Microsoft** C. Google D. IBM

Câu 3. Hệ điều hành nào được phát triển dựa trên lõi Linux và được phổ biến trên các thiết bị di động? A. Windows B. macOS C. Linux **D. Android**

Câu 4. Lịch sử phát triển hệ điều hành Unix bắt đầu từ năm nào?

- A. 1969 B. 1985 C. 1995 D. 2005
- Câu 5.** Hệ điều hành macOS được phát triển bởi công ty nào?
A. Apple B. Microsoft C. Google D. IBM
- Câu 6.** Hệ điều hành Android được phát triển bởi công ty nào?
A. Apple B. Microsoft C. Google D. IBM
- Câu 7.** Hệ điều hành Ubuntu được phát triển từ lõi của hệ điều hành nào?
A. Windows B. Linux C. macOS D. Android
- Câu 8.** Hệ điều hành iOS được phát triển bởi công ty nào?
A. Apple B. Microsoft C. Google D. IBM
- Câu 9.** Hệ điều hành nào là hệ điều hành phổ biến nhất trên các thiết bị di động?
A. iOS B. Android C. Windows Phone D. BlackBerry
- Câu 10.** Hệ điều hành nào được phát triển bởi Apple cho các thiết bị iPhone và iPad?
A. iOS B. Android C. Windows Mobile D. Symbian
- Câu 11.** Hệ điều hành Android chủ yếu được sử dụng trên loại phần cứng nào?
A. Máy tính cá nhân B. Máy tính xách tay C. Thiết bị di động D. Máy tính bảng
- Câu 12.** Để chạy một ứng dụng trên một hệ điều hành, cần phải cài đặt gì?
A. Bộ vi xử lý B. Hệ điều hành C. Trình duyệt web D. Các phần mềm hỗ trợ
- Câu 13:** Phần mềm cho phép sử dụng qua Internet mà không cần phải cài đặt vào máy là phần mềm
A. chạy trên Internet. B. nguồn mở. C. thương mại. D. Phần mềm tự do.
- Câu 14:** Đây là yếu tố chi phí của phần mềm thương mại nguồn đóng?
A. Mất chi phí mua phần mềm và phí chuyển giao. B. Chỉ mất phí chuyển giao nếu có.
C. Khó kiểm soát những gì cài cắm bên trong. D. Có thể kiểm soát được mã nguồn.
- Câu 15:** Khi muốn tìm kiếm thông tin chính xác và nhanh nhất trên Internet, ta nên làm gì?
A. Gõ toàn bộ câu hỏi thật dài vào ô tìm kiếm.
B. Gõ từ khóa ngắn gọn, rõ ràng và có ý nghĩa.
C. Dùng ký tự đặc biệt thay cho từ khóa. D. Nhờ người khác tìm giúp.
- Câu 16:** Khi tìm kiếm hình ảnh về “di tích lịch sử Việt Nam” trên Google, ta nên:
A. Gõ từ khóa và chọn mục “Hình ảnh”. B. Gõ “video di tích lịch sử”.
C. Chỉ gõ “di tích”. D. Dán hình ảnh vào ô tìm kiếm.
- Câu 17:** Để tìm kiếm thông tin bằng giọng nói, người dùng cần:
A. Bật micro và nhấn biểu tượng micro trên thanh tìm kiếm.
B. Gõ từ khóa bằng bàn phím.
C. Dán văn bản vào ô tìm kiếm.
D. Tải ứng dụng khác để đọc văn bản.
- Câu 18.** Trong hộp thư Gmail, để đánh dấu một thư quan trọng, người dùng thường:
A. Xóa thư đó đi. B. Gắn nhãn hoặc gắn sao (★) cho thư.
C. Chuyển thư sang thư mục “Thư rác”. D. Chuyển tiếp cho người khác.
- Câu 19.** Chức năng gắn nhãn (Label) trong Gmail có tác dụng gì?
A. Dùng để đổi tên người gửi.
B. Dùng để phân loại, sắp xếp thư theo nhóm chủ đề.
C. Dùng để thay đổi định dạng văn bản trong thư.
D. Dùng để tạo mật khẩu mới cho tài khoản.
- Câu 20:** Khi muốn lọc và tự động chuyển thư đến vào các thư mục phù hợp, người dùng nên:
A. Dùng chức năng Bộ lọc (Filter) trong Gmail. B. Dùng chức năng trả lời tự động.
C. Dùng chức năng xóa thư. D. Dùng chức năng đăng xuất tài khoản.

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.

- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 1.

- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.2 TRẮC NGHIỆM D2. (10 phút)

a. *Mục tiêu:* Ôn lại về kiến thức các bài 2,3,5 về dạng D2.

b. *Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 2).

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV phát Phiếu học tập số 2 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 2 trong thời gian là 7 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

BÀI 2-Câu 1: Anh Minh là nhân viên văn phòng, hằng ngày anh sử dụng máy tính cá nhân cài đặt hệ điều hành Windows 10 để làm việc. Để làm việc có hiệu quả hơn, anh có trao đổi với đồng nghiệp thực hiện các thao tác như mở phần mềm Word, in tài liệu, lưu trữ dữ liệu và cài đặt thêm ứng dụng mới.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

a) Hệ điều hành Windows quản lý và phân phối tài nguyên phần cứng như CPU, bộ nhớ và thiết bị lưu trữ. (BIẾT - ĐÚNG)

b) Windows chỉ có chức năng hiển thị giao diện làm việc mà không tham gia điều khiển các thiết bị phần cứng. (BIẾT-SAI)

c) Nhờ có giao diện đồ họa thân thiện, Windows giúp anh Minh dễ dàng thao tác với các ứng dụng và tệp tin mà không cần nhớ lệnh phức tạp. (HIỂU - ĐÚNG)

d) Khi anh Minh nhấn lệnh In trong Word, hệ điều hành Windows sẽ gửi yêu cầu đến driver của máy in để điều khiển việc in tài liệu ra giấy. (VD - ĐÚNG)

d) Khi máy tính của Lan chạy chậm do lưu nhiều phim và bài tập, cô có thể dùng Optimize để sắp xếp lại dữ liệu và dùng File Explorer để xóa bớt tệp không cần thiết. (VD - ĐÚNG)

BÀI 3-Câu 1: Lan là học sinh lớp 9, thường xuyên phải soạn thảo bài viết và làm việc nhóm trực tuyến. Máy tính của Lan đã cài sẵn bộ Microsoft Office nhưng hết hạn dùng thử. Bạn của Lan gợi ý một số lựa chọn khác như sử dụng Google Docs trực tuyến hoặc tải phần mềm LibreOffice Writer để soạn thảo văn bản.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

a) LibreOffice Writer là phần mềm nguồn mở, người dùng có thể tải về và sử dụng miễn phí. (BIẾT - ĐÚNG)

b) Microsoft Office là phần mềm nguồn mở vì ai cũng có thể tải và dùng thử miễn phí. (BIẾT - SAI)

c) Google Docs là phần mềm chạy trên Internet, cho phép người dùng tạo và chỉnh sửa tài liệu trực tuyến. (HIỂU - ĐÚNG)

d) Khi muốn làm việc nhóm mà không cần cài đặt phần mềm, Lan nên chọn Google Docs để dễ chia sẻ và chỉnh sửa cùng bạn bè. (VẬN DỤNG - ĐÚNG)

BÀI 5-Câu 1: Minh là học sinh lớp 9, đang muốn mua một bộ máy tính để bàn phục vụ việc học và giải trí. Khi đến cửa hàng, nhân viên giới thiệu nhiều loại màn hình, chuột và bàn phím khác nhau với các thông số kỹ thuật như độ phân giải, kích thước, độ nhạy và kiểu kết nối. Minh cần hiểu rõ ý nghĩa của các thông số để chọn thiết bị phù hợp.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

a) Độ phân giải của màn hình cho biết số lượng điểm ảnh (pixel) mà màn hình có thể hiển thị. (BIẾT - ĐÚNG)

- b) DPI (Dots Per Inch)** là thông số thể hiện độ nhạy của chuột, DPI càng thấp thì chuột di chuyển càng nhanh. (BIẾT – SAI)
- c) Bàn phím** có thể kết nối với máy tính qua dây cáp USB hoặc kết nối không dây, tùy loại bàn phím. (HIỂU – ĐÚNG)
- d) Nếu Minh** thường xuyên di chuyển và học nhóm, việc chọn chuột và bàn phím không dây sẽ giúp sử dụng linh hoạt và tiện lợi hơn. (VẬN DỤNG – ĐÚNG)

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 2.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.3. TỰ LUẬN (10 phút)

- Mục tiêu:* Ôn lại về các bài 4, 6 về dạng tự luận
- Nội dung:* GV phát Phiếu học tập số 3.
- Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 3).
- Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- GV phát Phiếu học tập số 3 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 3 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

1. Bài 4: (2 điểm - 2 câu)

- a. Thực hiện được một số phép toán logic trên hai đại lượng cho trước.

Ví dụ: $1 \text{ AND } 0 = ?$; $0 \vee 1 = ?$

- b. Chuyển 2 số ở dạng thập phân sang dạng nhị phân rồi thực hiện cộng 2 số nhị phân lại với nhau (hoặc chuyển số ở hệ nhị phân sang số ở hệ thập phân)

Ví dụ: - Chuyển 35, 40 sang hệ nhị phân rồi cộng 2 số đã chuyển lại
- Chuyển $10010_2 = ?_{10}$

2. Bài 6: (1 điểm - 1 câu)

- Nêu các tính năng cơ bản của ổ đĩa trực tuyến?
- Trình bày các bước để lưu trữ tệp tin lên ổ đĩa trực tuyến? (3 bước phần nhiệm vụ 1 bài 6 trang 34 SGK)
- Trình bày các bước để lưu trữ thư mục lên ổ đĩa trực tuyến? (3 bước phần nhiệm vụ 1 bài 6 trang 34 SGK)

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 3.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

- Mục tiêu:* Giúp HS củng cố, ôn tập thêm câu hỏi dạng trắc nghiệm D2.

- b. *Nội dung*: GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm
c. *Sản phẩm*: Kết quả làm bài trắc nghiệm của học sinh
d. *Tổ chức thực hiện*:

♦ **Giao nhiệm vụ**: GV bắt đầu giao phiếu bài tập trắc nghiệm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

BÀI 2-Câu 2: Lan là học sinh lớp 10, hằng ngày sử dụng máy tính cá nhân cài đặt hệ điều hành Windows 10 để học tập, làm bài tập và lưu trữ tài liệu. Sau một thời gian, máy tính của Lan chạy chậm hơn bình thường. Lan mở File Explorer để sắp xếp lại các thư mục và xóa bớt tệp không cần thiết, sau đó sử dụng các tiện ích hệ thống như Check Disk và Optimize để kiểm tra và tối ưu ổ đĩa.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

- a) File Explorer là tiện ích trong Windows giúp người dùng quản lý tệp và thư mục như sao chép, di chuyển, đổi tên hoặc xóa tệp. (BIẾT – ĐÚNG)
b) Check Disk (chkdsk) là tiện ích dùng để hợp mảnh dữ liệu giúp tăng tốc độ truy xuất tệp trên ổ đĩa. (BIẾT – SAI)
c) Việc hợp mảnh đĩa giúp sắp xếp lại dữ liệu liên tục hơn, giúp hệ thống mở tệp và chạy ứng dụng nhanh hơn. (HIỂU – ĐÚNG)
d) Khi máy tính của Lan chạy chậm do lưu nhiều phim và bài tập, cô có thể dùng Optimize để sắp xếp lại dữ liệu và dùng File Explorer để xóa bớt tệp không cần thiết. (VD – ĐÚNG)

BÀI 3-Câu 2: Nam là học sinh lớp 9, đang làm bài tập Tin học cần tạo bảng tính để thống kê điểm trung bình của lớp. Máy tính của Nam chưa có phần mềm bảng tính nên Nam tìm hiểu các lựa chọn như Microsoft Excel, Google Sheets và LibreOffice Calc. Sau khi tham khảo ý kiến bạn bè, Nam chọn phần mềm phù hợp với nhu cầu học tập.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

- a) LibreOffice Calc là phần mềm nguồn mở, người dùng có thể tải và sử dụng miễn phí trên máy tính. (BIẾT – ĐÚNG)
b) Microsoft Excel là phần mềm thương mại, cần mua bản quyền để sử dụng hợp pháp và đầy đủ tính năng. (BIẾT – ĐÚNG)
c) Google Sheets là phần mềm chạy trên Internet, cho phép người dùng tạo và chỉnh sửa bảng tính trực tuyến. (HIỂU – ĐÚNG)
d) Nếu Nam muốn cùng các bạn nhập và chỉnh sửa số liệu cùng lúc từ xa, Google Sheets là lựa chọn phù hợp nhất. (VẬN DỤNG – ĐÚNG)

BÀI 3-Câu 3: Lan là học sinh lớp 9, thường xuyên sử dụng máy tính để học tập và làm việc nhóm. Khi cần làm bài thuyết trình, Lan không muốn cài đặt phần mềm trên máy tính mà muốn làm việc trực tiếp qua Internet. Cô giáo gợi ý một số công cụ như Google Slides, Canva và Prezi. Có một số ý kiến đưa ra như sau:

- a) Google Slides, Canva và Prezi đều là những phần mềm có thể sử dụng trực tuyến thông qua trình duyệt Internet. (BIẾT – ĐÚNG)
b) Các phần mềm chạy trên Internet luôn yêu cầu phải cài đặt trên máy tính mới có thể sử dụng được. (BIẾT – SAI)
c) Phần mềm chạy trên Internet cho phép người dùng làm việc và lưu trữ dữ liệu trực tiếp trên máy chủ trực tuyến thay vì ổ đĩa máy tính cá nhân. (HIỂU – ĐÚNG)
d) Khi muốn tạo bài thuyết trình cùng bạn bè mà không cần cài đặt phần mềm, Lan có thể sử dụng Google Slides để nhiều người cùng chỉnh sửa và trình bày trực tuyến. (VẬN DỤNG – ĐÚNG)

BÀI 5-Câu 2: Hà là học sinh lớp 9, được giao nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu in cho buổi thuyết trình nhóm. Khi đến phòng tin học của trường, Hà nhận thấy có nhiều loại máy in, chuột và bàn phím với các thông số khác nhau như độ phân giải in, tốc độ in, độ nhạy chuột và kiểu kết nối bàn phím. Hà muốn hiểu ý nghĩa các thông số này để sử dụng thiết bị hiệu quả.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

- a) Độ phân giải của máy in (đo bằng dpi) cho biết mức độ chi tiết của bản in, dpi càng cao thì hình ảnh càng sắc nét. (BIẾT – ĐÚNG)

b) Chuột có thông số DPI càng cao thì độ nhạy càng thấp và di chuyển chậm hơn. (BIẾT – SAI)
c) Bàn phím có thể kết nối với máy tính bằng dây hoặc không dây, tùy loại và cổng kết nối hỗ trợ. (HIỂU – ĐÚNG)

d) Nếu Hà cần in nhiều tài liệu trong thời gian ngắn, nên chọn máy in có tốc độ in cao và dùng chuột, bàn phím có dây để thao tác nhanh, ổn định hơn. (VẬN DỤNG – ĐÚNG)

BÀI 5-Câu 3: Tuấn là học sinh lớp 9, thường xuyên sử dụng máy tính để học và chia sẻ tài liệu. Khi muốn in bài, chuyển ảnh từ điện thoại vào máy tính hoặc kết nối với máy chiếu để thuyết trình, Tuấn phải biết cách kết nối máy tính với các thiết bị số khác nhau.

Có một số ý kiến đưa ra như sau:

a) Cổng USB được dùng phổ biến để kết nối máy tính với các thiết bị ngoại vi như chuột, bàn phím, máy in, điện thoại. (BIẾT – ĐÚNG)

b) Bluetooth là hình thức kết nối có dây giúp truyền dữ liệu nhanh giữa máy tính và thiết bị khác. (BIẾT – SAI)

c) Kết nối máy tính với thiết bị số có thể thực hiện qua nhiều phương thức như USB, HDMI, Wi-Fi hoặc Bluetooth tùy theo loại thiết bị và mục đích sử dụng. (HIỂU – ĐÚNG)

d) Khi Tuấn muốn trình chiếu bài thuyết trình từ laptop lên màn hình lớn, em có thể dùng cáp HDMI hoặc kết nối không dây qua Wi-Fi nếu thiết bị hỗ trợ. (VẬN DỤNG – ĐÚNG)

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm bài tập trắc nghiệm cô giao

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS nộp bài cho GV

♦ **Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét kết quả làm bài tập TN của HS

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (2 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những kiến thức đã ôn tập để làm bài thi GK1

b. Nội dung:

- GV giao đề minh họa cho HS về nhà thực hiện.

- GV đánh giá chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình học.

c. Sản phẩm: Kết quả làm bài tập về nhà trong vở của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

♦ **Giao nhiệm vụ:** GV giao đề minh họa cho HS